

VINH DANH GIA TỘC Ở NGƯỜI VIỆT: TRUYỀN THỐNG VÀ HIỆN ĐẠI

Nguyễn Thanh Tùng

Tóm tắt:

Vinh danh gia tộc là mối quan tâm tương đối thường xuyên của người Việt cả trong quá khứ và hiện tại. Với tư cách là những hoạt động mang tính tổ chức, và mang đậm màu sắc thân tộc, vinh danh gia tộc liên kết với nhiều thực tiễn của quan hệ thân tộc, văn hóa địa phương và mở rộng hơn nữa. Các thực hành dù khác nhau nhưng đều phản ánh một nhu cầu, một tâm lý chung, đó là sự đề cao gia tộc-dòng họ thông qua việc khẳng định về lịch sử, truyền thống và các giá trị mà người ta tin là tốt đẹp, cần được phát huy. Thời hiện đại, vinh danh gia tộc tiếp tục phát triển về cả nội dung và phương thức. Nó không đơn thuần chỉ là sự nhắc lại, làm nổi bật lên những giá trị truyền thống hay quá khứ vinh quang của gia tộc-dòng họ, mà chính nó cũng là phương tiện đắc lực để tạo nên những thực tiễn mới, phản ánh những giá trị, vị thế mới của khối liên kết thân tộc.

Từ khóa: Vinh danh, Gia tộc, Thân tộc, Thực hành văn hóa.

*

1. Đặt vấn đề

Trong xã hội người Việt, gia tộc⁽¹⁾ đóng vai trò quan trọng trong việc xác định danh tính cá nhân và duy trì quan hệ thân tộc (hoặc quan hệ dòng họ). Nói đến gia tộc, thân tộc, quan hệ thân tộc là nói đến một lĩnh vực phức tạp gồm nhiều vấn đề có liên quan đến đời sống hàng ngày của mỗi người. Tại đây, các nhà nghiên cứu văn hóa thường chú ý đến ba chủ đề lớn: (i) ý thức hoặc tâm lý hướng về cội nguồn (hướng về tổ tiên); (ii) hoạt động văn hóa, tín ngưỡng (đặc biệt là những khía cạnh liên quan đến thờ cúng tổ tiên); và (iii) các biểu hiện, vai trò của quan hệ thân tộc trong đời sống. Ý thức hướng về cội nguồn thường được xác định là cơ sở cho mọi vấn đề khác, từ việc duy trì, phục hồi các giá trị truyền thống thể hiện qua hoạt động tín ngưỡng, cho đến việc duy trì, thắt chặt các mối quan hệ thân tộc đóng vai trò tương đối mạnh mẽ trong hoạt

động kinh tế, xã hội, chính trị... thường ngày của các thành viên.

Bài viết này tập trung giới thiệu một khía cạnh ít được chú ý trong giải thích về sự kết nối giữa các vấn đề kể trên, đó là “vinh danh gia tộc” - các hình thức thể hiện sự tôn vinh, kính trọng hoặc sùng bái một ai đó hoặc một điều gì đó thuộc về gia tộc. Đây là một thực tiễn đã tồn tại từ lâu đời, không chỉ ở người Việt mà còn ở nhiều cộng đồng tộc người khác. Cùng với vinh danh nói chung, nó là một phần của hoạt động văn hóa mang tính tổ chức của các cộng đồng, thường được tuyên bố là nhằm mục đích nêu cao, phát huy các giá trị tốt đẹp trong xã hội. Quan điểm chính của bài viết là: nếu như ý thức hướng về cội nguồn có thể được định nghĩa là cơ chế tư tưởng, thì vinh danh gia tộc có thể được nhìn nhận là một trong các cơ chế hành động liên quan đến nhiều thực tiễn của quan hệ thân tộc

hay dòng họ. Để hiểu về ý nghĩa này của vinh danh gia tộc, trước hết cần phải nhận diện các dạng thể hiện của nó với tư cách là những thực hành văn hóa - xã hội cụ thể, gắn kết trực tiếp với sự phát triển của quan hệ thân tộc người Việt từ truyền thống đến hiện đại.

2. Vinh danh gia tộc trong xã hội truyền thống

Đối với người Việt, gia đình, gia tộc đóng vai trò hết sức quan trọng, được đa số cá nhân trân trọng, tôn trọng như là sự phản ánh chính bản thân mình. Trong văn hóa Á Đông, thể diện (hoặc danh dự) cá nhân gắn bó rất mật thiết với thể diện tập thể mà đặc biệt là thể diện gia đình, gia tộc (Nguyễn Thanh Tùng 2022). Người ta có thể làm rạng danh gia đình, gia tộc bằng việc thể hiện những thành tựu, giá trị nổi bật của bản thân trong xã hội, và ngược lại, cũng cảm thấy tự hào và kiêu hãnh khi thuộc về gia đình, gia tộc danh giá. Không chỉ là quan hệ giữa cá nhân và gia tộc, mà quan hệ giữa gia đình và gia tộc cũng có sự liên kết về phương diện thể diện hay danh tiếng như vậy. Người Việt gọi những gia đình, gia tộc có truyền thống hiếu học, lập thân, lập nghiệp rực rỡ là “danh gia vọng tộc”, với hình dung phổ biến rằng từng cá nhân, gia đình trong đó luôn có sự tích cực để giữ gìn danh tiếng, giá trị và truyền thống chung mà xã hội đề cao, ngưỡng mộ.

Trong văn hóa người Việt và cũng như nhiều nền văn hóa khác, vinh danh không phải là điều mà một cá nhân có thể/nên thực hiện cho chính mình, mà thường phải lấy đối tượng/khách thể khác. Gia tộc chính là một đối tượng đặc biệt khi mà qua các hoạt động vinh danh gia tộc, các cá nhân, gia đình tham gia có thể làm rạng danh cả gia tộc lẫn bản thân mình (vì thể diện hay danh dự của cá nhân, gia đình, gia tộc liên kết với nhau). Hiểu theo nghĩa rộng nhất, vinh danh gia tộc bao gồm tất cả những hành động có thể làm rạng danh gia tộc, mang lại giá trị được mọi

người công nhận. Nội dung của sự vinh danh là những cái mà cá nhân, gia đình hoặc nhiều gia đình có được, đạt được và xác định rằng nó có thể giúp nâng cao danh tiếng hoặc uy tín gia tộc mình. Phương thức vinh danh thường được biểu hiện bởi các sự kiện, nghi lễ hoặc các hình thái vật chất nhằm thông báo rộng rãi về cái mà họ có được, đạt được đó, đồng thời tuyên bố rằng nó là cái có giá trị, có ý nghĩa và cần phải được trân trọng, tưởng thưởng.

Vinh danh gia tộc trong xã hội truyền thống của người Việt là một hoạt động quan trọng trong sinh hoạt dòng họ nói riêng và đời sống làng xã người Việt nói chung. Nó có thể được phân loại thành nhiều hoạt động khác nhau được phổ biến hoặc được biết đến rộng rãi trong dân gian. Một số hoạt động rõ ràng là có quan hệ với các điển chế của nhà nước trong khi một số khác thì không. Một số diễn ra trong phạm vi thân tộc trong khi một số khác lại có sự mở rộng của đối tượng tham gia ngoài phạm vi thân tộc.

Thời phong kiến, triều đình ban cho những người hiếu tử, thuận tôn, nghĩa phu, tiết phụ có danh tiếng trong dân gian những biển son chữ vàng đề: “Hiếu Hạnh Khả Phong”, “Hiếu Thuận Khả Phong”, “Nghĩa Hạnh Khả Phong”, “Tiết Hạnh Khả Phong” (hoặc “Tiết Phụ Khả Phong”). Bằng việc ghi danh những tấm gương cá nhân như vậy, nhà nước phong kiến muốn khuyến khích việc phát huy các giá trị Nho giáo trong xã hội, bắt đầu từ lĩnh vực hôn nhân gia đình (xem Phan Đại Doãn và các cộng sự 1998; Bùi Xuân Đỉnh và Đỗ Thị Thanh Huyền 2023). Không chỉ là vấn đề cá nhân, gia tộc nào có người được ban cho một trong số những biển “Khả Phong” ấy cũng xem đó là niềm vinh dự to lớn, đồng thời lấy đó là một “nguồn” để hình thành, phát huy truyền thống của gia đình, dòng họ. Gia phả của dòng họ sẽ ghi danh những vị này, và nếu dòng họ có nhà thờ họ thì tại đó thường treo biển “Khả Phong” (mặc dù biển này ban đầu

là ban cho cá nhân) và đôi khi có cả đôi câu đối thờ, vừa là để tôn vinh, vừa là để giáo dục con cháu noi theo. Có trường hợp người trong gia tộc xây cả một công trình tâm linh như đền, am để thờ cúng, tôn vinh những vị này. Như trường hợp chị gái của Nguyễn Công Trứ, người làng Uy Viễn (Nghị Xuân, Hà Tĩnh), khi đi tu lấy pháp danh là Diệu Điền, sau khi được vua ban biển “Tiết Hạnh Khả Phong” thì được người họ Nguyễn xây hẳn một am thờ ở ngay trên khuôn viên đất cũ của gia tộc để treo biển (Thích Minh Nghiêm 2006: 480). Vì vinh dự của cá nhân cũng là vinh dự của cả làng xã, nên có trường hợp, làng cũng tham gia vào những việc trọng vọng ghi công. Như trường hợp cụ Vương Đình Lương (1872-1939) thuộc họ Vương ở làng Thọ Xương (Bắc Giang) sau khi được ban biển “Hiếu Thuận Khả Phong” thì được dựng phùng (bia) trước cổng làng để đồng đạo mọi người đều biết (Nguyễn Xuân Cần và các cộng sự 2005: 47-48).

Một hoạt động đáng chú ý khác là vinh quy bái tổ. Tục lệ có nguồn gốc từ điển chế của triều đình phong kiến về việc ban thưởng các vị tân khoa đỗ đạt trong thi cử. Theo ghi chép trong Quốc triều hương khoa lục, tục này được quy định một cách chính thức bắt đầu từ trường hợp Trạng nguyên Phạm Đôn Lễ - văn thần đời vua Lê Thánh Tông (xem Cao Xuân Dục 1993: 62 - 63). Trải qua một thời gian, nó đi vào thường thức của một bộ phận quần chúng nhân dân như một “mỹ tục” lâu đời. Trong mô tả thông thường của dân gian, lễ đón rước “ông nghề”⁽²⁾ được cử hành vô cùng long trọng với sự phối hợp của các cấp địa phương và dân chúng. Ông được ngồi trên ngựa, có lọng che, tiếp theo là kiệu hoặc võng cho cha mẹ và nhất là cho bà vợ, cũng có lọng che. Có quân gia hộ tổng đi từ tỉnh lỵ (hay trấn lỵ), huyện lỵ về cho đến tận làng của ông. Các quan chức tỉnh, huyện, nhất là các tổng lý, hương hào đều phải đi đón rước.

Không khí mỗi nơi ông dừng chân đều tung bùng náo nhiệt. Dân làng đồ xôi, mổ lợn để mừng ông nghề, cùng tham gia rước ông nghề về đình làm lễ thần, lễ Thành hoàng, rồi lại đưa ông về nhà bái yết phần mộ tổ tiên hoặc từ đường. Trường hợp nhà cửa tư gia xơ xác, chật chội quá, lễ vinh quy bái tổ có thể được làng xã tổ chức cho ở ngay tại đình làng, như trường hợp của Hoàng giáp Nguyễn Khuyến (thế kỉ XIX) ở làng Yên Đỗ thuộc Bình Lục, Hà Nam. Lại có trường hợp người dân xây hẳn cho ông nghề một ngôi nhà nhân dịp vinh quy bái tổ, như trường hợp Thám hoa Phan Kính (thế kỉ XVIII) ở làng Vĩnh Gia thuộc huyện Can Lộc, Hà Tĩnh⁽³⁾.

Lễ rước, mừng, đón trọng thể như thế phần vì phép vua, phần vì ông nghề là người đã đem vinh quang về cho cả gia tộc, cả làng quê, trong bối cảnh người xưa quý sự học (và đi cùng với đó là công danh, phú quý). Tuy nhiên, giai thoại dân gian cũng kể về một số trường hợp “phép vua thua lệ làng”. Nguyên do là một số làng ghi trong hương lệ của làng mình về nghĩa vụ khao vọng hoặc đóng góp cho quê hương của các vị cử nhân, tiến sĩ và chỗ ngồi của họ trong chôn đình trung. Có những vị thi xong không khao vọng vì gia đình không có tiền, thế là lệ làng vẫn coi như họ chưa đỗ đạt gì. Như trường hợp giai thoại dân gian làng Đại Bái ở Gia Bình, Bắc Ninh về một ông tiến sĩ của làng, lúc chưa thi đỗ chưa góp tiền tu sửa con đường vào làng, cho nên khi ông ta thi đỗ rồi, đến bước vinh quy bái tổ thì dân làng chẳng những không đón tiếp mà còn rào đường, không cho ông về nhà trên con đường đó. Ông ta đành phải bỏ tiền ra để đắp thêm một con đường mới chạy từ đường cái quan về tới nhà ông để bái tổ (về sau con đường ấy gọi là “đường Ông”). Điều quan trọng là, bởi vì truyền thống và phong tục buộc phải vinh quy bái tổ, thăm viếng phần mộ tổ tiên và bái yết từ đường, cho nên ngày xưa, người làm quan to đến đâu, thành đạt đến

đâu cũng hiềm khi quên nghĩa vụ đóng góp công sức, tiền của lo việc họ nói riêng và đóng góp xây dựng quê cha đất tổ nói chung.

Đề thờ phụng, tôn vinh tổ tiên, nhiều gia tộc đã xây dựng từ đường (nhà thờ họ). Công việc này thực chất là không bắt buộc, ít nhất là trong quá khứ và với các gia tộc nhỏ chưa có nhiều tiềm lực. Gọi là không bắt buộc vì tổ tiên của gia tộc có thể được thờ cúng tại nhà trưởng tộc/trưởng họ và đây là thực hành phổ biến hơn. Do vậy, ngoài ý nghĩa là nơi thờ cúng, nơi sinh hoạt tín ngưỡng chung của gia tộc, từ đường còn mang chức năng vinh danh và đây mới là ý nghĩa thực sự quan trọng để thúc đẩy con cháu gia tộc chung tay góp sức xây dựng từ đường.

Chưa có nhiều bằng chứng để xác định công trình từ đường đầu tiên của người Việt xuất hiện từ khi nào. Nhưng theo ý kiến của một số nhà nghiên cứu, tục xây từ đường đã phát triển trong thế kỉ XV-XIX - thời điểm mà mối quan hệ họ hàng của người Việt ngày càng chặt chẽ (Phan Đại Doãn 1981). Công trình từ đường thường toạ lạc trên những mảnh đất đầu tiên mà tổ tiên của gia tộc khai khẩn hoặc sở hữu, có thể còn liên quan đến lịch sử khai mở làng xã. Ở Nam Bộ, nhiều trường hợp làng người Việt mà có từ đường [của dòng họ lớn nào đó trong làng] thì cũng là làng được khai phá sớm, tức những nơi mà người Việt định cư sớm nhất (Nguyễn Phương Thảo 1997: 13-14). Việc xây dựng từ đường, do vậy, là một cách khẳng định về lịch sử của gia tộc trên một vùng đất (tương tự như việc xây dựng đình, đền, miếu, mạo... là cách khẳng định lịch sử của cộng đồng làng trên một địa vực), mặc dù trong nhiều trường hợp, những gia tộc xuất hiện muộn nhưng có tiềm lực mạnh lại xây dựng được từ đường trước những gia tộc xuất hiện sớm. Dù thế nào thì từ đường vẫn là một không gian lý tưởng để tôn vinh, thể hiện những phẩm chất, thành tựu tốt đẹp của gia tộc. Theo sưu tầm của tác giả Vũ Duy Mền, từ

đường của các gia tộc có nhiều người hiển đạt, đỗ đại khoa, làm quan to trong triều thường treo các bức đại tự mang ý nghĩa sâu xa, ví dụ như: “Vạn Đại Cơ” (nghĩa là nền móng vạn đời) tại Lệ Trạch đường họ Vũ ở Mộ Trạch (Hải Dương); “Tiên Tổ Thị Hoàng” (nghĩa là tổ tiên danh giá) tại từ đường họ Phan ở Đông Ngạc (Hà Nội); “Đức Lưu Quang” (nghĩa là công đức sáng mãi) tại từ đường họ Nghiêm Xuân ở Tây Mỗ (Hà Nội)... (Vũ Duy Mền 2006: 114).

Một phương thức phổ biến để củng cố mối quan hệ họ hàng là ghi chép lịch sử gia tộc. Trong quá trình này, việc ghi nhớ, kể lại về nguồn gốc, thân thế, hành trạng của tổ tiên bằng các hình thức văn bản cũng đồng thời phản ánh mong muốn của các gia tộc để tưởng nhớ, tôn vinh tổ tiên và củng cố lòng tự hào về chính mình. Đứng ở góc độ cộng đồng thân tộc, người Việt thường có xu hướng kể về tổ tiên là người thật với thân thế, lai lịch càng rõ ràng càng tốt, trong khi việc thần thánh hóa tổ tiên lại chỉ đứng ở góc độ cộng đồng dân tộc rộng lớn (như việc coi Lạc Long Quân - Âu Cơ và các vua Hùng là tổ tiên chung của người Việt). Điều này cho thấy rằng, ý thức tôn vinh tổ tiên của gia tộc người Việt đã cơ bản không còn mang màu sắc totem giáo, khác với hiện tượng thờ vật tổ là chim chóc, muông thú như trường hợp nhiều tộc họ của các cộng đồng dân tộc thiểu số cho tới tận gần đây. Truyền thống này rõ ràng là chịu ảnh hưởng của thời đại lịch sử vốn đặc trưng bởi việc xem trọng mức độ chân thực của nhân vật, sự kiện. Sự thể hiện điển hình của nó chính là các bộ gia phả/tộc phả.

Gia phả/tộc phả ở mức độ cơ bản nhất chỉ là một bản ghi chép về tên tuổi, vị trí của các cá nhân trong mạng lưới quan hệ họ hàng lấy một vị thủy tổ chung làm gốc. Ở mức độ này, nó gần như chỉ mang ý nghĩa tóm tắt lịch sử gia tộc, để mọi người khi nhìn vào đó hình dung được danh tính và vị trí của từng

người trong gia tộc. Tuy nhiên, gia phả trong dân gian thực tế có nhiều loại, với các mức độ cao hơn nơi thể hiện ý nghĩa vinh danh rõ ràng hơn. Có không ít những hình thái phả kí nơi ghi cả hành trạng, công danh, quan tước, tác phẩm văn học của những nhân vật trọng yếu hoặc nổi danh trong gia tộc. Đối với các danh gia vọng tộc, những họ có công khai quốc, đánh giặc ngoại xâm, khoa cử đỗ đạt..., lịch sử dòng họ có thể được ghi dưới dạng “thực lục” (nhấn mạnh tính chân thật của sự ghi chép), điển hình như gia phả họ Lê ở Hải Lỵch (Thọ Hải, Thọ Xuân, Thanh Hóa), gia phả dòng họ Lưu Nhân Chú, Phạm Cuồng ở Thuận Thượng (Đại Từ, Thái Nguyên). Thông qua gia phả, người biên soạn thường thể hiện ý thức tự ngã rất mạnh. Như nhận xét của Phan Văn Các (2003) thì tâm lý chung của người biên soạn là luôn muốn “tự khoe”, có phần nào còn “khoa trương”, đề đề cao lòng tự hào gia tộc, đề cao vai trò, địa vị của gia tộc trong xã hội. Tình trạng này vốn có nguồn gốc từ xưa và đã kéo dài trong lịch sử. Tuy vậy, về khách quan thì các tư liệu trong gia phả “đại đa số là có thể tin cậy được” (tr. 17). Các bộ phả chép về dòng họ danh nhân cung cấp những thông tin phong phú về thân thế, cuộc đời, gia đình của các danh nhân trong lịch sử. Một số bản gia phả còn có giá trị sâu sắc về mặt văn hóa, khi ở phần ngoại phả ghi chép cả những thứ như: việc tế lễ xuân thu nhị kì; việc đóng góp để sửa sang tái tạo từ đường; việc cúng giỗ tuần tiết hàng năm; các ruộng kỵ với đầy đủ diện tích sào mẫu dành riêng vào việc tế tự; việc tổ chức điều hành các giỗ chạp ở trong họ; các nghi thức hành lễ cùng với các bài văn khấn, văn cáo yết, văn cáo gia tiên, văn chúc thọ phụ mẫu... Thông qua đó, con cháu gia tộc cũng thể hiện sự ghi nhớ và tự hào về truyền thống văn hóa của cha ông.

Bên cạnh gia phả, ở các danh gia vọng tộc, người ta còn làm văn bia từ đường (văn bia nhà thờ họ) để ghi lại lịch sử, sự kiện đáng

nhớ, tên tuổi của những nhân vật có công lao, danh vọng. Văn bia thường do những con cháu hoặc người quen có phẩm hàm, có danh tiếng soạn, một số còn được đặt ở từ chỉ của làng xã để tôn thờ nhân vật trong gia tộc có công với làng xã. Các trường hợp nổi tiếng có: “Ngô thế gia quan đức chi bi” do Ngô Thi Nhậm (thế kỉ XVIII) soạn, trong đó kể về phả hệ dòng họ Ngô Thi của chính ông; “Công vị đại vương từ đường bi kí” do Nguyễn Gia Phan (thế kỉ XIX) soạn, trong đó kể về sự tích của danh nhân Nguyễn Quý Kính - bố vợ Nguyễn Gia Phan; “La Khê Ngô Thị từ đường bi kí” do Bùi Huy Bích (thế kỉ XVIII - XIX) soạn, trong đó kể về hành trạng và việc xây dựng từ đường họ Ngô của Ngô tướng công - thông gia của Bùi Huy Bích... Việc dựa vào vai trò của những tri thức có vai vế trong xã hội cũng xuất hiện ở việc biên lập gia phả và làm biển, câu đối đặt tại từ đường, trong bối cảnh mà người ta rất quý chữ Nho và trọng mối quan hệ với các bậc “danh bút” đó.

3. Vinh danh gia tộc ngày nay

Từ sau năm 1945, các truyền thống vinh danh gia tộc đã trải qua những sự thăng trầm sâu sắc. Điều này trước hết bắt nguồn từ sự tác động của những chuyển đổi kinh tế, xã hội và chính trị ở nông thôn đối với quan hệ dòng họ và sinh hoạt dòng họ. Vũ Văn Quân (2002), khi nghiên cứu về biến đổi quan hệ dòng họ ở Ninh Hiệp, cho biết cải cách ruộng đất và hợp tác hóa (tập thể hóa) đã hầu như làm biến mất những “danh gia vọng tộc” - hiểu theo nghĩa là những thế lực chính trị, kinh tế - ở nông thôn. Thay vào đó là một cơ cấu xã hội mới ở tất cả các làng xã, đặc trưng bởi sự đồng dạng hóa các thành phần cư dân. Khác với thiết chế gia đình với vai trò vẫn được đề cao trong xã hội, trong chế độ xã hội mới, thiết chế dòng họ lại chỉ được nhìn nhận ở những khía cạnh tiêu cực như tính “cục bộ”, “bè phái”. Chính từ xuất phát điểm này mà sinh hoạt dòng họ bị thu hẹp, quan hệ cộng đồng dòng họ có phần

nhặt đi (tr. 321). Vinh danh gia tộc tất yếu cũng trở nên trầm lắng. Từ đường không được xây mới. Những cái đã có thì ít được coi sóc, tu sửa, một số còn bị chiếm dụng thành nhà riêng, thậm chí bị đem đi bán. Các cuốn gia phả cổ thì bị mất mát rất nhiều và điều đáng tiếc là, không giống như các tài liệu liên quan đến tục thờ thần (như sắc phong, ngọc phả), rất nhiều cuốn còn không có bản sao được lưu trữ qua các cuộc điều tra trước năm 1945. Văn bia từ đường cũng bị mất mát, hỏng hóc nhiều, tương tự như số phận của nhiều văn bia khác. Bởi vì nhà nước cấm những việc “hội hè đình đám”, tục khao vọng bị dẹp bỏ và các gia tộc có rất ít điều kiện để tự tổ chức các lễ mừng, tôn vinh những cá nhân, gia đình ưu tú trong họ.

Trong khi thiết chế dòng họ không được đánh giá đúng mức, từng gia đình cụ thể vẫn có thể được nhà nước vinh danh nhờ những phẩm chất tốt hoặc thành tựu xuất sắc trong các lĩnh vực. Từ những năm 1950-1960, các danh hiệu hoặc danh xưng như “Gia đình vẻ vang”, “Bảng vàng danh dự”, “Gia đình cách mạng kiểu mẫu”, “Gia đình bốn tốt”, “Gia đình năm tốt”, “Gia đình tiên tiến”, “Gia đình văn hóa”, “Gia đình văn hóa mới”... được trao cho một loạt các gia đình được công nhận ở các thành tích như: có nhiều thành viên tòng quân, tham gia kháng chiến; sản xuất giỏi, có tinh thần hợp tác trong lao động; xây dựng tinh thần đoàn kết trong thôn xóm, hợp tác xã; gương mẫu chấp hành các chính sách của Đảng và Chính phủ (như nghĩa vụ lương thực, quân sự, đi dân công); gương mẫu xây dựng nếp sống mới... Các thành tích này chủ yếu được xây dựng trong mối quan hệ giữa gia đình (và từng thành viên của nó) với đoàn thể làng xóm, hợp tác xã và xã hội. Chúng là một phần của các phong trào thi đua do nhà nước và các cấp địa phương phát động, bắt đầu ở miền Bắc và được mở rộng ra miền Nam sau Giải phóng. Về bản chất, chúng được xác định

chủ yếu dựa trên sự phù hợp với những giá trị phục vụ cho công cuộc kháng chiến và tập thể hóa, để góp phần hiện thực hóa lí tưởng về “gia đình xã hội chủ nghĩa”, “con người xã hội chủ nghĩa”. Một số đóng vai trò là tiền thân của các danh hiệu được điển chế hóa rộng rãi và gắn với chính sách xã hội, chính sách văn hóa ngày nay (như “Gia đình liệt sĩ” và “Gia đình văn hóa”).

Vinh danh gia tộc chỉ thực sự đón một làn gió mới sau sự kết thúc của thời kì tập thể hóa. Quá trình Đổi mới diễn ra trên các lĩnh vực kinh tế, xã hội đã kích thích các yếu tố làm phục hưng các sinh hoạt dòng họ cũng như nhiều thực hành văn hóa ở khu vực nông thôn. Như nhiều tác giả đã khẳng định về cái gọi là “phú quý sinh lễ nghĩa”: điều kiện kinh tế ngày càng cải thiện đang thúc đẩy một bộ phận đông đảo người Việt quan tâm đến việc tìm về và khôi phục các giá trị, các thực hành văn hóa truyền thống (Kleinen 1999; Lê Hồng Lý 2008; Nhiều tác giả 2014). Từ đầu những năm 1990 trở đi, việc khôi phục hoặc xây mới từ đường đang trở nên sôi nổi. Tại một số địa phương thuộc khu vực đồng bằng Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ, thậm chí còn có hẳn phong trào “thi đua” xây từ đường. Họ lớn thì xây công trình lớn, quy mô có thể ngang đình làng, sơn son thếp vàng lộng lẫy. Họ nhỏ thì làm nhỏ hơn, nhưng ít nhất quy mô cũng bằng những công trình đã có từ trước. Thậm chí, có trường hợp vài ba anh em trẻ tuổi cũng tự chung tay xây hẳn một cái từ đường cho nhà mình. Bởi vì mô hình ở nhiều nơi gần như là cứ có tiền của là xây được từ đường, cho nên không có xu hướng rõ ràng về mặt kiến trúc là công trình mới sẽ làm theo lối cổ hay theo lối hiện đại. Từ đường, do vậy, trở thành một trong những loại công trình văn hóa trong cộng đồng có quy mô và phong cách kiến trúc thuộc hàng đa dạng bậc nhất hiện nay.

Việc biên lập gia phả cũng đang được chú ý ở những mức độ khác nhau. Những gia

tộc ít quan tâm đến việc này thì gia phả chưa được chính thức lập lại hoặc mới chỉ được xây dựng một cách sơ sài dưới dạng sơ đồ, không mang tính chất phả kí. Nhưng cũng có gia tộc thì hết sức đề cao công việc này và đã cử người tìm hiểu, sưu tầm và biên soạn ra những bộ gia phả dày dặn, công phu, đóng thành quyển, in bìa đẹp và phát cho đông đảo các gia đình. Có một xu hướng là càng là họ lớn với bề dày lịch sử lâu đời, người biên lập gia phả thuộc tổ chức với cấp độ càng cao (như “ban liên lạc” dòng tộc cấp huyện, tỉnh, toàn quốc), thì gia phả càng chi tiết và đặc biệt là càng tuân thủ nhiều hơn các thể thức truyền thống trong cấu trúc nội dung. Cũng ở những cấp độ cao này, gia phả không còn chỉ lưu hành trong nội bộ người trong họ mà có khi còn được xuất bản thành sách giới thiệu cho đông đảo công chúng.

Các lễ vinh danh cá nhân và gia đình tiêu biểu đang đóng một vai trò ngày càng lớn bên cạnh các sinh hoạt tâm linh thông thường. Ở mức độ đơn giản nhất, đó chính là các “tiệc mừng”, “tiệc liên hoan” trong gia tộc để mừng (và giới thiệu cho mọi người cùng biết) những cá nhân, gia đình có thành tựu xuất sắc hoặc đạt được các danh hiệu cao quý. Hiện nay, có nhiều danh hiệu vinh dự nhà nước dành cho cá nhân mà sự trao tặng chúng có thể kích hoạt việc diễn ra những sự kiện đó. Phổ biến nhất trong số đó chính là “Bà mẹ Việt Nam anh hùng” với khoảng 140.000 người được công nhận ở hầu khắp các làng quê (hầu như xã nông thôn nào cũng có “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”). Một nghiên cứu ở Vĩnh Phúc về vấn đề này cho thấy cách thức tổ chức của các sự kiện gắn với “Bà mẹ Việt Nam anh hùng” trong gia tộc được công nhận, dù các Bà còn sống hay đã qua đời, đóng một vai trò rất lớn trong việc định hình vị thế của gia đình, con cháu của Bà trong gia tộc và các mối quan hệ xã hội rộng lớn hơn trong làng (Nguyễn Thanh Tùng 2020)

Ở tất cả mọi nơi, các quỹ khuyến học của dòng họ đảm nhận việc trao thưởng cho các học sinh, sinh viên có thành tích học tập tốt. Tại một số họ vốn có truyền thống khoa bảng từ trước mà nay vẫn được phát huy (qua việc tiếp tục có nhiều con cháu trong họ trở nên thành đạt nhờ con đường học tập), người ta đã khôi phục lễ “vinh quy bái tổ” với một diện mạo mới. Cơ quan khuyến học của dòng họ làm lễ “vinh quy bái tổ” hoặc “báo công tổ tiên” cho những người mới có học vị tiến sĩ - đặc biệt là những người trẻ, người có bằng tiến sĩ ở các trường danh tiếng - cùng với bằng khen, phần quà cho những người này như những hình thức tặng thưởng của họ. Đây được xem là hoạt động nội bộ của dòng họ và không cần thông qua địa phương, làng xóm, mặc dù trong nhiều trường hợp vẫn có thể có sự góp mặt của đại diện cấp ủy, chính quyền xã với tư cách khách mời hoặc là người trong họ.

Trong quá trình phát triển của khái niệm “xã hội học tập” ở Việt Nam, lần đầu tiên, thiết chế dòng họ đã được nhà nước hiện đại xác định là một đối tượng để vinh danh một cách chính thức. Tại Đại hội thi đua khuyến học toàn quốc ngày 25/10/2000, các dòng họ xuất sắc đã được nhận cờ thi đua và bằng khen của Trung ương Hội Khuyến học Việt Nam. Ngày 9/10/2007, Đại hội biểu dương các Gia đình hiếu học và Dòng họ khuyến học” tiêu biểu lần thứ II⁽⁴⁾ đã biểu dương 70 dòng họ khuyến học đại diện cho gần 3.000 dòng họ đạt danh hiệu “khuyến học”. Kể từ Chỉ thị số 11- CT/TW ngày 13-4-2007 của Bộ Chính trị về công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng “xã hội học tập”, Hội Khuyến học tỉnh và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các tỉnh thành đã thúc đẩy hơn nữa cuộc vận động xây dựng “Gia đình hiếu học, dòng họ, thôn, khu phố khuyến học”⁽⁵⁾. Từ năm 2010 đến nay, mỗi năm có hàng chục nghìn dòng họ địa phương trên cả nước được nhận danh hiệu “khuyến

học” (Trung ương Hội Khuyến học Việt Nam, 2016). Bên cạnh đó còn có mô hình thi đua và trao tặng danh hiệu “dòng tộc văn hóa” (hoặc “dòng tộc văn hóa tự quản về an ninh trật tự”). Danh hiệu chưa có quy định chung của cấp trung ương, mà do các tỉnh thành tự ban hành, nhìn chung nhấn mạnh vào các tiêu chí: tuân thủ hương ước, quy ước nông thôn mới (đặc biệt nhấn mạnh vào việc chấp hành luật pháp và các quy định của chính quyền địa phương và của khu dân cư); đoàn kết nội bộ họ tộc và đoàn kết các gia tộc ở địa phương; giáo dục, giúp đỡ các thành viên để giữ gìn “thuần phong mỹ tục”, không có người mù chữ, không có hộ nghèo, không có người vi phạm pháp luật...

Nhìn chung, sự quan tâm của nhà nước tới việc vinh danh gia tộc chủ yếu nằm ở khía cạnh tôn vinh các tấm gương tiêu biểu thỏa mãn những tiêu chí mang phạm vi giới hạn của nhà nước về sự nghiệp học tập, về nếp sống mới phục vụ giữ gìn an ninh trật tự và một số mặt khác phục vụ quản trị xã hội. Nó không liên quan nhiều đến việc đánh giá về các hoạt động văn hóa thuộc sinh hoạt dòng họ như xây dựng từ đường, biên lập gia phả, tổ chức các ngày lễ kỉ niệm... Trên thực tế, vinh danh gia tộc hiện nay là đa dạng, muôn màu muôn vẻ, liên tục phát triển về mặt nội dung và phương thức. Đặc điểm này được thể hiện rõ nhất qua các hoạt động mà quần chúng tự xây dựng, triển khai, nhất là ở các cấp độ tổ chức lớn vượt ra khỏi phạm vi gia tộc và làng xã địa phương.

Trước hết, cần phải lưu ý rằng quá trình phục hưng của sinh hoạt dòng họ ngày nay với tư cách là sự “hồi sinh quá khứ” [*reviving past*] - mượn theo thuật ngữ của John Kleinen trong công trình nghiên cứu về làng người Việt - đã làm cho vinh danh gia tộc, trong nhiều trường hợp, giống như một sự khảo cứu mang tính hàn lâm về quá khứ xa xưa của gia tộc. Ở đây, giới khoa học cùng hoạt động nghiên

cứ của họ vô hình trung đóng một vai trò hết sức quan trọng. Từ khoảng những năm 90 của thế kỉ XX, một số nhà nghiên cứu sử học và văn hóa đã thực hiện công cuộc điều tra về cái gọi là “dòng họ văn hiến”⁽⁶⁾ ở Việt Nam. Hội Văn nghệ dân gian Hà Nội đi đầu với việc đề xuất đề tài “Các dòng họ văn hiến Hà Nội - Việt Nam”, được tài trợ với danh nghĩa nhằm phục vụ cho phong trào xây dựng Văn hóa làng và Làng văn hóa (Tô Hoài, Bằng Việt và Trần Quốc Vượng 1996: 288). Cùng với đó là nhiều hội thảo khoa học về các dòng họ, điển hình như: Hội thảo về các dòng họ văn hiến ở Hà Nội năm 1995 (thuộc đề tài nêu trên), Hội thảo Dòng họ với các truyền thống văn hóa dân tộc do Câu lạc bộ các dòng họ Việt Nam tổ chức ở Hà Nội năm 1996, Hội thảo về dòng họ Nguyễn Xí ở Nghệ An năm 1997, Hội thảo về các dòng họ ở Nghệ An năm 1997... Vào năm 2000 - năm bản lề của thiên niên kỉ mới, trong một sự kiện tại Bảo tàng Dân tộc học ở Hà Nội, hơn 180 đại biểu các dòng họ Việt Nam đã tập trung lại để trao đổi về các giả thuyết, nguồn gốc các họ Việt Nam, để tìm mối quan hệ với nhau qua đối sánh gia phả, tộc phả, thế phả.

Những sự kiện này đều có thể coi là một phần của “sân chơi” đang phát triển của một bộ phận các dòng tộc lớn ở Việt Nam, nơi mà họ đang cố gắng chứng minh sự chân xác của nguồn gốc lịch sử, bề dày văn hiến cùng những mối quan hệ đặc biệt [với các dòng họ lớn hoặc/và các nhân vật lịch sử nổi danh] của dòng tộc mình trên các diễn đàn mang tính hàn lâm và thông qua tiếng nói của nhà khoa học. Thậm chí, trong một số trường hợp, người ta có thể cố gắng nêu bật quan điểm rằng họ mình (hoặc một họ nào đó mà họ muốn đề cao) là “dòng họ văn hiến” - theo nghĩa là với trình độ phát triển cao hoặc những khả năng khác hẳn so với các dòng họ bình thường - không chỉ là trong các tài liệu khoa học, các diễn đàn khoa học, mà còn trên các phương

tiện thông tin đại chúng. Ý thức này diễn ra với quy mô và tính chất khác hẳn với đa số công việc nghiên cứu, phục dựng gia phả, tộc phả đơn thuần để phục vụ sinh hoạt nội bộ của các gia tộc ở phạm vi địa phương.

Cũng trong bối cảnh hiện đại, quá trình tìm kiếm các mối liên hệ về mặt dòng dõi hoặc lịch sử giữa các gia tộc, dòng tộc ở phạm vi rộng đã tạo ra các khối liên kết lớn, mà nhờ đó, một số hình thức vinh danh truyền thống vừa được khôi phục, vừa phát triển đến những tầm mức chưa từng có. Từ cuối thập niên 80, đầu thập niên 90 của thế kỉ XX trở đi, bắt đầu xuất hiện các “ban liên lạc” dòng họ với các cấp độ tổ chức đa dạng từ xã, huyện, tỉnh cho đến toàn quốc. Ở cấp độ cao nhất, “ban liên lạc” cấp quốc gia có xu hướng được cấu trúc thành “hội đồng tộc họ” (ví dụ như Hội đồng họ Nguyễn Việt Nam, Hội đồng họ Trần Việt Nam, Hội đồng họ Trịnh Việt Nam, Hội đồng họ Mạc tộc Việt Nam, Hội đồng họ Đặng tộc Việt Nam...). Mặc dù, trong một số trường hợp, sự thành lập của một “hội đồng tộc họ” cấp quốc gia có thể gây tranh cãi vì không phải ai cũng thừa nhận đó là tổ chức chính thức đại diện cho toàn bộ một họ trên cả nước. Dù vậy, ít nhất thì đây cũng là một thiết chế có khả năng trực tiếp thiết kế và triển khai hàng loạt các hoạt động/dự án vinh danh lớn mà chưa một cấp độ tổ chức truyền thống nào trước đây thực hiện được. Ở đây, có thể tạm phân loại các hoạt động/dự án lớn thành các nhóm như sau:

- *Tìm kiếm, tôn vinh các bậc “viễn tổ”*

Gia tộc ở các địa phương thường có các ghi chép hay quan niệm về vị thủy tổ (cũng được gọi là viễn tổ) của mình. Tuy nhiên, khi gia tộc ở các địa phương được liên kết lại ở phạm vi toàn quốc thành một dòng tộc lớn, người ta thấy cần thiết phải có một vị viễn tổ chung, thống nhất, để khẳng định về lịch sử lâu đời hay nguồn gốc xa xưa nhất có thể. Công việc này người xưa gọi là “vấn tổ

tâm tông”, nay có sự thuận lợi nhất định nhờ phạm vi khảo cứu đã được mở rộng ra đáng kể (có thể tập hợp được nhiều nguồn tài liệu địa phương hơn so với trước khi có “ban liên lạc”/“hội đồng tộc họ” cấp quốc gia).

Năm 2001, Hội nghị toàn thể lần III của Ban Liên lạc họ Dương Việt Nam đã suy tôn Dương Thanh (thế kỉ VIII - IX) là viễn tổ. Đại hội đại biểu toàn quốc họ Bùi năm 2008 đã liệt kê nhiều nhân vật họ Bùi thuộc thời đại Hùng Vương và Hai Bà Trưng mà con cháu họ Bùi đều gọi là viễn tổ. Đại hội Hội đồng họ Tạ Việt Nam năm 2019 nêu quan điểm về vị viễn tổ thuộc triều đại Hùng Vương thứ VI. Ngoài ra còn có nhiều trường hợp khác như họ Hồ với Hồ Hưng Dật (thế kỉ X), họ Tô với Tô Hiến Thành (thế kỉ XII), họ Phạm với Phạm Tu (thế kỉ V - VI), họ Trần với Trần Kinh (thế kỉ XI), họ Vũ - Võ với Vũ Hồn (thế kỉ IX)... Trong một không khí tương đối cởi mở, xung quanh câu hỏi ai là vị tổ đầu tiên thì qua thời gian, từ đại hội này sang đại hội khác, mỗi dòng tộc thường có sự tìm tòi, nghiên cứu và thảo luận thêm chứ hiếm khi ấn định vĩnh viễn một nhân vật nào đó là viễn tổ. Một số trường hợp người ta có thể truy nguyên nguồn gốc họ ở bên kia biên giới, nhưng để khẳng định cá tính Việt Nam, đa số chỉ dừng lại ở vị viễn tổ sinh ra ở Việt Nam.

Cũng từ hoạt động “vấn tổ tâm tông” này, đã có trường hợp người ta tôn hẳn một vị thần là viễn tổ. Họ Tô Việt Nam, bên cạnh quan điểm cho rằng Tô Hiến Thành là viễn tổ, đã có ý kiến rằng nên xác định cả thần Tô Lịch như là vị tổ sớm nhất từng được biết. Ngày 19/9/2010, nhân dịp kỉ niệm 1000 năm Thăng Long - Hà Nội, tại đền Bạch Mã, phố Hàng Buồm (Thành phố Hà Nội), Ban liên lạc họ Tô Việt Nam đã tổ chức lễ suy tôn thần Long Đỗ - Tô Lịch là vị tổ dòng họ Tô Việt Nam. Việc này được họ diễn giải dựa trên căn cứ rằng Tô Lịch nhiều khả năng là một “nhân thần”, tức là con người có thực sống vào cuối

thế kỉ III, đầu thế kỉ IV ở một ngôi làng cổ trên đất Hà Nội xưa.

- Tìm kiếm, tôn vinh những người trong họ là danh nhân lịch sử-văn hóa

Nhờ hoạt động tích cực của các họ, ngày càng có nhiều tư liệu hoặc hiểu biết về các danh nhân trong lịch sử được khám phá và công nhận. Các “ban liên lạc” cử những người có hiểu biết và nhiệt huyết, thông qua các mối quan hệ ở các Bộ (cấp Trung ương), Sở, ban ngành (cấp địa phương), các tổ chức khoa học, đã tiến hành đi tìm, sưu tầm tư liệu, tổ chức/phối hợp tổ chức hội thảo và xuất bản sách về danh nhân - một hệ thống tài liệu nay đã xuất hiện rộng rãi ở các thư viện trên toàn quốc. Hoạt động này thường được tuyên bố là nhằm mục đích “làm rạng danh tiên tổ”, đặc biệt có vai trò lớn trong việc giới thiệu tên tuổi của những danh nhân mà trước đây ít người biết đến hoặc có rất ít thông tin (như trường hợp Đặng Tất, Đặng Dung, Phạm Tu, Doãn Nỗ, Trần Nguyên Hãn...). Điều đáng nói là, hoạt động trên tạo ra những cơ sở khoa học nhất định để con cháu các dòng họ nêu lên tiếng nói phản biện đối với các xuất bản phẩm, các diễn đàn thảo luận liên quan đến danh nhân của dòng tộc và thậm chí là lịch sử của đất nước⁽⁷⁾.

- Tôn vinh các triều đại phong kiến liên quan đến lịch sử dòng họ

Các “ban liên lạc” họ tộc toàn quốc cũng tích cực trong việc mở rộng tầm ảnh hưởng của mình đối với các dự án lớn mang tính chất tôn vinh hoặc đánh giá lại các hiểu biết về triều đại phong kiến. Kể từ sau Hội thảo về các dòng họ văn hiến ở Hà Nội năm 1995, các dòng họ lớn có quan hệ về mặt nguồn gốc đối với các triều đại phong kiến đã định đô ở Thăng Long - Hà Nội đã đóng góp nhiều tiếng nói về vai trò của các triều đại này trong lịch sử, thể hiện qua: Hội thảo Vương triều Trần với kinh đô Thăng Long (tháng 4/2005), Hội thảo Lê tộc Việt Nam với 1000 năm Thăng

Long - Hà Nội (tháng 7/2010), Hội thảo 1000 năm Vương triều Lý và Kinh đô Thăng Long (tháng 11/2010), cuốn sách *Họ Trịnh và Thăng Long* (xuất bản năm 2015)... Đa số các hoạt động này chịu ảnh hưởng sâu sắc của Đại lễ kỉ niệm 1.000 năm Thăng Long - Hà Nội - sự kiện lịch sử đặc biệt của thiên niên kỉ này và cũng là cơ hội để các dòng tộc nêu bật vai trò của mình với lịch sử quốc gia cũng như với Thủ đô văn hiến. Điều này cũng thể hiện rất rõ qua trường hợp họ Mạc với Hội thảo Vương triều Mạc trong lịch sử Việt Nam (tháng 9/2010) - một trong số những nỗ lực lớn của họ trong việc cố gắng khách quan hóa cách nhìn nhận của giới nghiên cứu và công chúng về vương triều Mạc. Khoảng hơn một thập niên trước đó, thành viên của Ban liên lạc họ Mạc cũng đã tham gia vào việc kiến nghị với Ban Biên soạn sách giáo khoa Lịch sử phổ thông chỉnh sửa những chi tiết chưa thể hiện tính khách quan, chưa thể hiện sự tôn trọng về lịch sử nhà Mạc.

- Đề nghị đặt tên đường phố theo tên của danh nhân trong họ

Dựa trên các căn cứ khoa học về danh nhân đã được xây dựng, trong một số trường hợp, “ban liên lạc” các dòng tộc đã lập hồ sơ kiến nghị chính quyền các địa phương đặt tên đường phố theo tên danh nhân của họ. Như trường hợp Ban Liên lạc họ Mạc Hà Nội đề xuất đặt tên “Mạc Thái Tổ” và “Mạc Thái Tông” cho đường phố ở Thủ đô; Ban Liên lạc họ Dương Việt Nam đề xuất đặt tên đường “Dương Đình Nghệ” ở Hà Nội; Hội đồng trị sự Nguyễn Phước tộc đề xuất đặt tên đường “Gia Long” ở thành phố Huế; họ Doãn thì đề xuất đặt tên “Doãn Khuê” cho một đường phố ở Hà Nội, tên “Doãn Uẩn” cho một đường phố tại thành phố Châu Đốc, một đường phố tại thành phố Long Xuyên thuộc tỉnh An Giang.

- Thúc đẩy quá trình công nhận, bảo vệ và phát huy các di sản văn hóa

Trong nhiều năm qua, tại hầu khắp cả

nước, đã có nhiều từ đường, di tích được tu bổ, tôn tạo nhờ đóng góp của con cháu các dòng họ. Ở những khu di tích lớn liên quan đến sự hình thành, phát triển của các triều đại phong kiến, các dòng tộc tương ứng cũng để lại nhiều dấu ấn cho việc bảo tồn, phát huy các giá trị của những khu di tích này⁽⁸⁾. Họ cũng có vai trò tích cực trong quá trình lập hồ sơ đề nghị công nhận di tích là di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh, cấp quốc gia hoặc hơn nữa, đôi khi còn đề nghị các cơ quan, ban ngành trung ương và địa phương điều chỉnh các chi tiết trong tên gọi, nội dung của di sản văn hóa sao cho phù hợp với quan điểm lịch sử mà họ tin tưởng (yêu cầu đặt ra là không xuyên tạc lịch sử và không xúc phạm danh nhân của họ). Điều này được thể hiện rất rõ qua trường hợp của Nguyễn Phúc (Phước) tộc với các di sản văn hóa liên quan đến triều Nguyễn, họ Trần Việt Nam với các di sản văn hóa liên quan đến triều Trần, cũng như một số dòng tộc khác trong thời gian gần đây.

- Xây dựng từ đường (nhà thờ họ) cấp quốc gia

Cùng với quá trình tổ chức nên các “ban liên lạc”/“hội đồng tộc họ” toàn quốc, một số công trình từ đường (nhà thờ họ) ở cấp độ vùng và quốc gia đã và đang được hình thành. Các nhà thờ họ cấp quốc gia như Nhà thờ họ Trương Việt Nam (thị trấn Thiên Tôn, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình), Nhà thờ họ Nguyễn Việt Nam (xã Đại Đồng Thành, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh), Nhà thờ họ Đỗ Việt Nam (phường Phú La, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội), Nhà thờ họ Bùi Việt Nam (phường Xuân Hòa, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc), Nhà thờ họ Đinh Việt Nam (xã Gia Phương, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình)... là những dự án tâm linh lớn được thực hiện nhằm mục đích tưởng nhớ các danh nhân tiêu biểu và các bậc tiền nhân của dòng họ, khi đi vào hoạt động sẽ là nơi giao lưu, họp mặt, tổ chức những sự kiện quan

trọng của con cháu cùng họ trên cả nước, nơi lưu giữ các di sản lịch sử, văn hóa, truyền đi thông điệp, tư tưởng của dòng họ cho thế hệ tương lai.

- Các hoạt động khác

Bên cạnh các hoạt động trên, các dòng tộc hiện nay cũng quan tâm đến việc tổ chức các khối liên kết nội bộ như “câu lạc bộ doanh nhân” (hiện có ở nhiều họ), “câu lạc bộ thanh niên” (họ Dương, họ Hồ, họ Doãn), “câu lạc bộ sĩ quan” (họ Trần), thậm chí còn có cả “câu lạc bộ golf”! Đặc biệt, “câu lạc bộ doanh nhân” - tổ chức tự nguyện của các chủ doanh nghiệp, doanh nhân cùng họ - có mối quan hệ khăng khít với “ban liên lạc”/“hội đồng tộc họ”, nhất là trong việc tài trợ cho các dự án mang ý nghĩa vinh danh, từ xây dựng từ đường, tu bổ, tôn tạo di tích, tổ chức các ngày kỵ giỗ lớn, cho đến khuyến học, làm từ thiện và trao thưởng cho các nhân vật xuất sắc trong họ được quốc gia, quốc tế công nhận... Có thể nói, sự kết hợp cơ hữu giữa các yếu tố kinh tế và văn hóa thông qua hoạt động của tổ chức này cũng đóng một vai trò lớn trong việc khuếch trương danh tiếng của các dòng tộc hiện nay.

Nếu như họ Trần, họ Vũ-Võ Việt Nam và một số họ khác quan tâm đến việc tổ chức “đại lễ giỗ tổ” như một sự kiện tâm linh lớn hằng năm, thì họ Dương Việt Nam có lẽ là họ đi đầu trong việc tổ chức hẳn một lễ hội văn hóa tổng hợp hoành tráng như một sự kiện thường niên của dòng tộc. Từ năm 2013, “Lễ hội mùa xuân họ Dương Việt Nam” (từ năm 2019 đổi tên thành “Ngày hội văn hóa mùa xuân họ Dương Việt Nam”) bắt đầu diễn ra đều đặn vào tháng 2 hằng năm, trừ một số năm bị trì hoãn do đại dịch Covid-19 (2020, 2021, 2022). Lễ hội ban đầu chọn địa điểm cố định ở Bắc Ninh (2013 đến 2016), nhưng sau đó đã luân chuyển qua những tỉnh thành khác từ Bắc vào Nam như Đà Nẵng (2017), Cần Thơ (2018), Vĩnh Phúc (2019), đến năm

gần đây nhất lại trở về Bắc Ninh (2023). Quy mô tham dự lễ hội có năm lên đến hàng chục nghìn người. Tại đây, người ta thực hiện rất nhiều hoạt động như: lễ tri ân tổ tiên, diễu hành, họp đại hội đại biểu của họ, vinh danh các gia đình tiêu biểu, khen thưởng khuyến học, khuyến tài, giới thiệu đặc sản, biểu diễn nghệ thuật sân khấu, văn nghệ, thư pháp, thi đấu thể thao...

4. Kết luận

Với tư cách là nhu cầu, là tâm lý, và đồng thời cũng là những thực hành văn hóa, vinh danh gia tộc đã đóng góp nhiều nội dung quan trọng cho thực tiễn của quan hệ thân tộc hay dòng họ. Nó không đơn giản chỉ là sự nhắc lại, làm nổi bật lên những giá trị truyền thống hay quá khứ vinh quang của gia tộc-dòng họ, mà chính nó cũng là phương tiện đắc lực để tạo nên những thực tiễn mới phản ánh những giá trị mới. Tại đây thường chứng kiến sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa các yếu tố truyền thống và hiện đại, như là việc tái vận dụng các thể thức vinh danh truyền thống để tôn vinh giá trị hiện đại, sự hiện đại hóa các hình thức vật chất của vinh danh, sự vận dụng hiểu biết về quá khứ của chính bản thân để mở rộng ảnh hưởng đối với việc xây dựng nhận thức về lịch sử và đời sống văn hóa-xã hội của đất nước đương đại... Ở cả cấp độ địa phương và những cấp độ tổ chức rộng lớn hơn, vinh danh gia tộc có thể được mô tả như một “sân chơi” thực sự, nơi người ta tận dụng các nguồn lực (và hiểu biết) để đạt ưu thế hoặc những vị thế xứng đáng, cũng như chứng minh vị thế của mình trong một “sân chơi” có nhiều đối tượng tham gia.

Sự bùng nổ mạnh mẽ và đa dạng của các hoạt động vinh danh gia tộc ngày nay - đặc biệt là ở những cấp độ tổ chức cao - góp phần cho thấy sự phát triển của quan hệ thân tộc thời hiện đại. Những hình thức chưa từng có gắn với những cấp độ liên kết thân tộc chưa từng có, với những dấu hiệu của sự phát triển

đang tiếp diễn. Vinh danh gia tộc, do vậy, có thể được nghiên cứu như một cách lý giải về sự vận động của văn hóa gia tộc-dòng họ, đặc biệt ở cách mà nó kích thích sự sáng tạo văn hóa trên cơ sở đổi mới hoặc tận dụng những cái đã có./.

Chú thích:

- (1) Theo *Hán Việt từ điển* của Đào Duy Anh (1931/2005), “gia tộc” tương đương với “họ hàng” (tr. 260). Còn theo *Từ điển tiếng Việt* của Viện Ngôn ngữ học (2003), “gia tộc” được định nghĩa là “tập hợp gồm nhiều gia đình có cùng một tổ tiên” (tr. 382). Nó tương đối gần gũi với các khái niệm “dòng họ”/“dòng dõi”: “toàn thể nói chung những người cùng huyết thống làm thành các thế hệ nối tiếp nhau”, “những người cùng huyết thống làm thành các thế hệ nối tiếp nhau, kế thừa và phát triển những truyền thống chung” (tr. 261).
- (2) Tên dân gian để gọi những người đỗ Tiến sĩ.
- (3) Giai thoại dân gian vùng Can Lộc cho biết: nhân dịp vinh quy bái tổ của Thám hoa Phan Kính, dân trong vùng vào rừng đốn gỗ quý xây 5 tòa nhà, mỗi tòa 5 gian để mừng, gọi là “tư dinh Cụ Thám”. Qua thời gian thì công trình đã không còn, nhưng nay vẫn còn địa danh “Xóm Dinh”.
- (4) Đại hội lần thứ I diễn ra vào tháng 12/2004, chi biểu dương gia đình hiếu học tiêu biểu chứ chưa biểu dương dòng họ tiêu biểu.
- (5) Cuộc vận động này được xem là gắn với xây dựng “Gia đình văn hóa, dòng tộc văn hóa, thôn, khu phố văn hóa” thuộc cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư” được triển khai trên toàn quốc.
- (6) Khái niệm “dòng họ văn hiến” theo Ngô Đức Thịnh (2006) là: “các dòng họ đã sản sinh ra các giá trị văn hóa, sản sinh ra các nhân vật kiệt xuất, các nhà văn hoá lớn, xứng đáng là gương mặt tiêu biểu cho văn hóa Việt Nam từng thời đại” (tr. 28).
- (7) Một số sự kiện có thể kể đến là việc Ban Liên lạc họ Bùi Việt Nam phản biện về sách viết về danh nhân lịch sử Kinh Bắc (tháng 10/2009), Hội dòng họ Đặng Việt Nam phản biện về sách viết về Đặng Huy Trứ và Đặng Văn Hòa (tháng 3/2013), Ban Liên lạc họ Trần phản biện về bộ sách lịch sử Việt Nam phổ thông (tháng 6/2018)...

(8) Liên quan đến vai trò của các gia tộc thuộc dòng dõi vua triều Nguyễn đối với Quần thể di tích Cố đô Huế, có một chi tiết đáng chú ý là từ đầu những năm 70 của thế kỉ XX, khi sinh hoạt dòng họ trên cả nước nhìn chung còn đang trong giai đoạn trầm lắng, Hội đồng trị sự Nguyễn Phước tộc đã quyết góp và dựng lại được tòa Thái Miếu (trên khu vực Thái Miếu cũ bị phá hủy) để làm nơi thờ tự các chúa Nguyễn (Đỗ Bang 2000: 768).

Tài liệu tham khảo

1. Đào Duy Anh (1931/2005), *Hán Việt từ điển* (Hàn Mạn Tử hiệu đính), Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội
2. Đỗ Bang chủ biên (2000), *Từ điển lịch sử Thừa Thiên Huế*, Nxb. Thuận Hóa, Huế.
3. Phan Văn Các (2003), "Nghiên cứu và khai thác giá trị của gia phả", Tạp chí *Hán Nôm*, số 1 (56), tr. 14-21.
4. Nguyễn Xuân Cấn (chủ biên - 2005), *Địa chí thành phố Bắc Giang*, Ban Tuyên giáo Thành ủy Bắc Giang & Trung tâm UNESCO thông tin tư liệu lịch sử và văn hóa Việt Nam xb., Hà Nội.
5. Phan Đại Doãn (1981), "Mấy vấn đề làng xã cổ truyền", Tạp chí *Dân tộc học*, số 2.
6. Phan Đại Doãn (1996), "Vài nét về tín ngưỡng và tôn giáo Việt Nam thế kỉ XIX", Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử*, số 3.
7. Phan Đại Doãn chủ biên (1998), *Một số vấn đề về Nho giáo Việt Nam*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
8. Cao Xuân Dục (1993), *Quốc triều hương khoa lục* (Nguyễn Thúy Nga, Nguyễn Thị Lâm dịch), Nxb. Tp. Hồ Chí Minh, Tp. Hồ Chí Minh.
9. Bùi Xuân Đính; Đỗ Thị Thanh Huyền (2023), "Danh hiệu 'Tiết phụ', 'Tiết hạnh khả phong' thời phong kiến", Tạp chí *Khoa học Trường Đại học Mở Hà Nội*, Số 99.
10. Tô Hoài, Bằng Việt, Trần Quốc Vượng đồng chủ biên (1996), *Những thành tựu văn học nghệ thuật Hà Nội và định hướng phát triển tới năm 2010*, Nxb. Hà Nội, Hà Nội.
11. Kleinen, John (1999), *Facing the Future, Reviving the Past: A Study of Social Change in a Northern Vietnamese Village*, Singapore: ISEAS.
12. Lê Hồng Lý (2008), *Sự tác động của kinh tế thị trường vào lễ hội tín ngưỡng*, Nxb. Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.
13. Vũ Duy Mẫn (2006), *Tìm lại làng Việt xưa*, Nxb. Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.
14. Thích Minh Nghiêm (2006), "Vài nét về ni sư Diệu Điển ở Nghi Xuân, Hà Tĩnh", trong Viện Nghiên cứu Hán Nôm, *Thông báo Hán Nôm 2005*, Nxb. Khoa học xã hội,

Hà Nội, tr. 480-484.

15. Nhiều tác giả (2014), *Di sản văn hoá trong xã hội Việt Nam đương đại*, Nxb. Tri thức, Hà Nội.
16. Vũ Văn Quân (2002), "Những biến đổi của quan hệ dòng họ ở Ninh Hiệp" trong P. Papin, O. Tessier (chủ biên), *Làng ở vùng châu thổ sông Hồng: vấn đề còn bỏ ngỏ*, Nxb. Lao động - Xã hội, Hà Nội.
17. Nguyễn Phương Thảo (1997), *Văn hóa dân gian Nam Bộ*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
18. Ngô Đức Thịnh (2006), *Văn hoá, văn hoá tộc người và văn hóa Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
19. Trung ương Hội Khuyến học Việt Nam (2016), *20 năm hoạt động Khuyến học, Khuyến tài Xây dựng và Phát triển*, trên trang: <https://www.hoikhuyenhoc.vn/modules.php?name=News&op=viewst&sid=4047> (truy cập ngày 15-7-2023)
20. Nguyễn Thanh Tùng (2020), "Mẹ Việt Nam anh hùng: Từ danh hiệu vinh dự Nhà nước đến dấu ấn trong đời sống đương đại", Tạp chí *Khoa học xã hội Việt Nam*, Số 10, tr. 134-145.
21. Nguyễn Thanh Tùng (2022), "Nghiên cứu về danh dự gia đình ở Việt Nam: Vấn đề khái niệm và các hướng tiếp cận", Tạp chí *Thông tin Khoa học xã hội*, số 5 (473), tr. 38-44, 27.
22. Viện Ngôn ngữ học (2003), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb. Đà Nẵng & Trung tâm Từ điển học, Tp. Hồ Chí Minh.